

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL23B1KH** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02175** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Nghệ vụ ĐK và QL hộ tịch**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung	An	19/05/1987			9	10.0				9.2		9.4
2	2353801015278	Huỳnh Văn	Chiến	10/07/1977			9	10.0				9.8		9.7
3	2353801015279	Nguyễn Bé	Dư	04/05/1982			9	10.0				10.0		9.9
4	2353801015280	Lê Thanh	Dũng	01/01/1965			9	10.0				10.0		9.9
5	2353801015281	Huỳnh Văn	Đèo	18/03/1988			9	10.0				9.6		9.6
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc	Giang	19/09/1982			9	10.0				10.0		9.9
7	2353801015283	Nguyễn Thị	Giang	21/06/1990			9	10.0				10.0		9.9
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/11/1985			7	7.0				9.4		8.4
9	2353801015285	Lê Minh	Hiền	20/02/2001			7	7.5				9.8		8.8
10	2353801015286	Nguyễn Văn	Hiền	06/12/1983			9	10.0				10.0		9.9
11	2353801015287	Thái Xuân	Hoàng	02/09/1988			9	10.0				9.8		9.7
12	2353801015289	Huỳnh Quốc	Huy	18/10/1993			9	10.0				10.0		9.9
13	2353801015290	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/12/1982			9	10.0				10.0		9.9
14	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/1985			9	10.0				9.8		9.7
15	2353801015292	Phạm Thị Mỹ	Lệ	04/05/1983			9	10.0				10.0		9.9
16	2353801015293	Ngô Văn	Nấm	19/11/1975			9	10.0				9.2		9.4
17	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993			9	10.0				10.0		9.9
18	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985			9	10.0				10.0		9.9
19	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974			9	10.0				10.0		9.9
20	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974			9	10.0				9.8		9.7
21	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988			9	10.0				10.0		9.9
22	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987			9	10.0				10.0		9.9
23	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003			9	10.0				9.8		9.7

Châu Đốc, ngày 23 tháng 12 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Hoàng Nhu